



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 175, số 15, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Bùi Hoàng Tân - Tình hình sở hữu ruộng đất công ở huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên qua nghiên cứu tư liệu địa bạ năm Minh Mạng thứ 17 (1836)	3
Đoàn Thị Yến - Vua Tự Đức với vấn đề Công giáo trước và sau năm 1862	9
Trần Minh Thuận - Vấn đề ruộng đất và các cuộc đấu tranh tự phát của nông dân ở tỉnh Bạc Liêu thời Pháp thuộc	15
Đồng Văn Quân - Các kiểu chế độ dân chủ trong lịch sử và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay	21
Lê Thị Giang, Lê Thị Hương - Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người	27
Cao Thị Phương Nhung, Ngô Thị Quang - Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về công tác học tập lí luận trong tác phẩm “Diễn văn khai mạc lớp học lí luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc”	33
Lưu Thu Trang - Bi kịch của nhân vật Grigori Melekhov qua mối quan hệ với hai nhân vật nữ Aksinia và Natalia trong tác phẩm <i>Sông Đông êm đềm</i> (M. Sholokhov)	39
Hoàng Thị Tuyết Mai - Thế giới trắng trong thơ Nguyễn Huy Oánh	45
Nguyễn Diệu Linh - Cá sinh trong văn hóa ẩm thực của người Thái trắng ở xã Sơn A, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	49
Nguyễn Thị Tân Tiến, Hà Thị Hằng - Sự khác biệt về kết quả chuẩn đầu ra tin học của sinh viên học học phần Tin học đại cương với sinh viên đạt chứng chỉ IC3 ở trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên	55
Đầu Thị Thu - Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế nghề nghiệp	61
Nguyễn Ngọc Bích, Dương Tố Quỳnh - Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn bóng chuyền cho sinh viên trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	67
Lưu Quang Sáng - Một số phương pháp dạy học chữ Hán cho người Việt	73
Hoàng Thị Hải Yến - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong việc xây dựng đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên hiện nay	79
Phùng Thị Tuyết, Nông Hồng Hạnh - Đánh giá trong dạy học qua đề án ở bộ môn tiếng Trung Quốc - Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	85
Trần Hoàng Tinh - Thực trạng và biện pháp xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	91
Hoàng Thị Lý - Vai trò của hoạt động giảng dạy trong việc làm tăng khả năng đọc hiểu tiếng Anh của sinh viên năm nhất	97
Dương Thị Hồng An, Đặng Phương Mai - Đánh giá phần mềm hỗ trợ học tập và giảng dạy tiếng Anh tại trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên	103
Tạ Thị Mai Hương, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Thị Hạnh Hồng - Tác động của việc sử dụng hồ sơ bài tập lên sự phát triển kĩ năng nghe hiểu của sinh viên: nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên	109
Trần Tuấn Anh, Đỗ Văn Hải, Trần Thị Thu Thủy, Hoàng Văn Hùng - Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu phục vụ công tác quản lý tại phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	115
Nguyễn Thị Gấm, Đào Thị Hương - Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ ngân hàng tới sự thỏa mãn của khách hàng tại Vietinbank - chi nhánh Thái Nguyên	121
Nguyễn Thị Thanh Thủy - Đầu tư trực tiếp nước ngoài với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam	129

Chu Thị Hà, Đỗ Thị Hà Phương, Nguyễn Thị Giang, Lin Xiao Wu - Nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tri thức tại Việt Nam	135
Trần Viết Khanh, Đỗ Thúy Mùi - Một số giải pháp phát triển nông nghiệp vùng Tây Bắc	141
Nguyễn Thị Lan Anh - Tăng cường quản lý sử dụng kinh phí cho hoạt động y tế tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	147
Nguyễn Thị Giang, Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Hồ Lương Xinh - Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nấm ăn của các hộ gia đình ở huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	153
Đỗ Thị Vân Hương - Phân tích hiệu quả mô hình trồng cây cà phê chè (<i>Arabica</i>), cây mắc ca (<i>Macadamia</i>) tại xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	159
Đặng Ngọc Huyền Trang, Dương Thị Thùy Linh - Xác định mối quan hệ giữa nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài và cán cân thương mại ở Việt Nam	165
Dương Thị Tinh - Thực trạng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước năm 2016 và giải pháp cho những năm tiếp theo	171
Phạm Thị Thanh Mai, Nghiêm Thị Ngoan - Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm chè mang chỉ dẫn địa lý “Tân Cương” của tỉnh Thái Nguyên	177
Nguyễn Thị Thảo - Kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015	183
Nguyễn Thị Lan Anh, Đào Thị Hương - Phát triển mối liên kết các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành hàng chè tỉnh Thái Nguyên	189
Trần Thùy Linh, Đỗ Hoàng Yến - Hoàn thiện các quy định về xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường theo Luật Cạnh tranh 2004	195
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Ngô Thị Quỳnh Trang, Phạm Thị Thu Phương, Hoàng Thị Lan Hương - Các rào cản trong việc áp dụng tiêu chuẩn khách sạn xanh ASEAN tại Hà Nội	201
Phan Thị Vân Giang, Phạm Bảo Dương - Một số vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm liên kết kinh tế trong chăn nuôi và tiêu thụ lợn thịt	207

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2011-2015

Nguyễn Thị Thảo*
Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Sau 5 năm thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011 - 2015, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo của UBND tỉnh, sự điều hành của lãnh đạo các ngành, sự nỗ lực cố gắng của các địa phương và sự tham gia phối hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể nên nhiều chỉ tiêu quan trọng đã đạt và vượt so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra, nhiều mô hình làm tốt công tác giảm nghèo đạt hiệu quả cao; xuất hiện nhiều hộ nông dân nghèo sản xuất giỏi, đời sống của nông dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới. Điều đó chứng tỏ người nghèo, xã nghèo, vùng nghèo được hưởng lợi trực tiếp từ thành quả của đầu tư phát triển, ngược lại đầu tư phát triển đã tạo điều kiện và động lực để người nghèo, xã nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Sự tác động qua lại đó được thể hiện trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo 5 năm qua, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm nhanh từ 20,57% năm 2011 xuống còn 7,06% năm 2015, giảm 13,51%, tương ứng 36.668 hộ thoát nghèo.

Từ khóa: *Chương trình giảm nghèo, hộ nghèo, tỉnh Thái Nguyên, chính sách, thoát nghèo*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đói nghèo là một vấn đề xã hội mang tính toàn cầu, nhận thức rõ điều đó trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương chính sách phát động toàn Đảng, toàn dân tấn công vào đói nghèo, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, tỉnh Thái Nguyên là một tỉnh miền núi phía Bắc; năm 2011 toàn tỉnh có 55.829 hộ nghèo chiếm 20,57%. Để từng bước giải quyết được vấn đề đói nghèo, thiếu việc làm, nâng cao đời sống vật chất tinh thần, thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy – HĐND - UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết tâm thực hiện Công cuộc xóa đói giảm nghèo với các chương trình xóa đói giảm nghèo qua các giai đoạn.

Trong 5 năm qua chương trình giảm nghèo đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bằng các Nghị quyết. Trên cơ sở nghị quyết của Tỉnh ủy và của HĐND tỉnh, các Sở, Ban ngành liên quan đã chủ động, tích cực vào cuộc và đề ra những nội dung, mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn.

Để chỉ đạo và thống nhất thực hiện Chương trình giảm nghèo, cấp tỉnh đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, đồng chí Giám đốc sở Lao động - TBXH làm Phó Trưởng ban thường trực; các ngành: Nông nghiệp, Y tế, Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng chính sách, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Tư pháp; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể làm thành viên Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, cụ thể: xây dựng đề án, dự án, kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của ngành, lập kế hoạch hoạt động chi tiết để tổ chức thực hiện tốt các chính sách đối với người nghèo. [2][4]

Hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo; xây dựng đề án, kế hoạch tổ chức thực hiện các mục tiêu giảm nghèo; phân công, phân cấp trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện giảm nghèo; đề cao tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm cho cơ sở và tăng cường sự tham gia của người dân; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã để thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

100% xã/phường/thị trấn đều có Ban giảm nghèo do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND

* Tel: 0918306582; Email: thaont@tnu.edu.vn

làm Trưởng ban, Ban giảm nghèo có chương trình, nội dung hoạt động cụ thể và có hiệu quả. Việc điều tra, xác định hộ nghèo đã được triển khai thực hiện đảm bảo qui chế dân chủ với sự tham gia bình xét của nhân dân trong dân cư, phản ánh đúng thực trạng tình hình giảm nghèo ở địa phương. [2], [4], [5]

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo

Về mục tiêu: Phân đầu đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn dưới 10% với trên 50% số hộ thoát nghèo trở lên. [1]

Về các chỉ tiêu [1],[5],[9],[10]:

- Về giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 2% trở lên: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm giảm 2,7% vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội (0,7%).
- Phân đầu 100% người nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề đều được hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm phù hợp: đạt 100% trong đó lao động qua đào tạo nghề có việc làm sau khi học nghề đạt 70 %.
- Đảm bảo trên 90% hộ nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội: đạt 99,19%.
- 100% người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế.
- Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ: đạt 100%.
- Trợ giúp pháp lý miễn phí cho 100% người nghèo có nhu cầu trợ giúp pháp lý.
- Thực hiện trợ giúp, trợ cấp xã hội cho 100% đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo theo quy định của nhà nước.
- Tập huấn, nâng cao năng lực cho 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.
- Hỗ trợ nhà ở cho 100% hộ nghèo có nhu cầu cần hỗ trợ nhà ở theo quy định của nhà nước: Không đạt.

Thực hiện các chính sách giảm nghèo chung

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020, các chính sách giảm

nghèo tiếp tục được UBND tỉnh chỉ đạo bố trí kinh phí để hàng năm thực hiện về hỗ trợ giáo dục đào tạo; y tế, nhà ở, dạy nghề, giải quyết việc làm, vay vốn tín dụng ưu đãi,...

Các chính sách giảm nghèo đã tiếp tục phát huy tác dụng, hỗ trợ có hiệu quả cho hộ nghèo, người nghèo, cụ thể như sau:

Chính sách về dạy nghề và giải quyết việc làm:

Trong 5 năm 2011-2015, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 118.840 lao động (vượt kế hoạch bình quân 58,4%/năm). Đào tạo nghề được 139.523 người, trong đó số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo Đề án 1956 là 24.316 lao động với số tiền 46.020 triệu đồng (gồm 3.241 người nghèo với số tiền hỗ trợ là 21.300 triệu đồng và 8.035 người dân tộc thiểu số); tỷ lệ người học nghề có việc làm sau đào tạo nghề đạt 75%, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt 58% và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 38,5% năm 2015 (vượt so với kế hoạch 55% và 37,5%). [1], [9], [10]

Chính sách hỗ trợ về y tế

Tình hình cấp, phát thẻ BHYT (năm 2011-2015): Thực hiện cấp 1.725.469 lượt thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo và người dân tộc thiểu số (gồm 447.588 lượt người nghèo, 201.457 lượt người thuộc cận nghèo và 1.076.424 lượt người dân tộc thiểu số) với tổng kinh phí 959.348 triệu đồng. Công tác lập danh sách và cấp phát thẻ BHYT đã được phân cấp cho các huyện, thành, thị đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện và kịp thời phục vụ công tác khám chữa bệnh của người nghèo. Tuy nhiên việc thực hiện cấp thẻ BHYT cho các đối tượng do nhiều cơ quan đơn vị đảm nhiệm, dẫn đến việc cấp trùng thẻ. [9], [10]

Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người nghèo đã có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng khám chữa bệnh cho các đối tượng từng bước được nâng lên; tuy nhiên việc cung cấp dịch vụ y tế ở tuyến cơ sở còn hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho đối tượng. Nhận thức của người nghèo về chăm sóc sức khỏe cho chính mình chưa thực sự được quan tâm.[1], [5]

Chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo

Trong 5 năm (2011-2015) toàn tỉnh đã thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho 779.028 học sinh, sinh viên, trẻ em mẫu giáo thuộc hộ nghèo (trong đó 312.608 lượt học sinh, sinh viên nghèo được miễn học phí; hỗ trợ chi phí học tập cho 312.394 lượt học sinh, sinh viên nghèo và 154.026 trẻ từ 3-5 tuổi), với tổng số tiền 441.776 triệu đồng. Chính sách hỗ trợ về giáo dục đào tạo đã phần nào hỗ trợ học sinh con hộ nghèo có điều kiện học tập tốt hơn, giảm bớt khó khăn cho gia đình và các em học sinh, từ đó nâng cao tỷ lệ đi học chuyên cần ở các xã vùng khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của tỉnh. [8], [9]

Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo

Trong 5 năm (2011-2015) có 61.225 lượt hộ nghèo vay vốn, số tiền 1.392.702 triệu đồng, bình quân mức vay trên giai đoạn 2011- 2015 đạt gần 23 triệu đồng/hộ; số hộ còn dư nợ đến năm 2015 dự kiến khoảng 35.000 hộ với số tiền dư nợ là 866.952 triệu đồng. Số hộ cận nghèo được vay vốn là 10.494 hộ, với số tiền 296.303 triệu đồng. Các hoạt động hỗ trợ vay vốn hộ nghèo tiếp tục được các cấp, ngành đặc biệt quan tâm. Thông qua việc thành lập các tổ vay vốn do các Hội, đoàn thể phụ trách, người dân đặc biệt là hộ nghèo đã được tiếp cận với nhiều nguồn vốn vay như vay vốn sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, vay vốn học sinh, sinh viên, vay nước sạch và vệ sinh môi trường.... Tuy nhiên vẫn còn một số hộ chưa mạnh dạn vay vốn hoặc có vay vốn nhưng sử dụng vốn trong sản xuất chưa thật sự hiệu quả. [8], [9]

Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động tới địa bàn các xã nghèo cho 10.385 người, trong đó có 3.995 lượt người nghèo, kinh phí thực hiện 2.796 triệu đồng. Chính sách trợ giúp pháp lý đã góp phần đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu trợ giúp pháp lý của người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức pháp luật cho nhân dân; tuy nhiên Tuy nhiên đa số các hộ nghèo chưa chủ động

tìm hiểu, trang bị các kiến thức về pháp luật mà chỉ có nhu cầu hỗ trợ khi gặp các vướng mắc liên quan đến pháp luật. [8]

Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo

Đã thực hiện hỗ trợ cho 175.478 lượt hộ nghèo (100% người nghèo đều được hỗ trợ tiền điện), kinh phí thực hiện 66.391 triệu đồng. Chính sách hỗ trợ tiền điện đã hỗ trợ một phần đời sống sinh hoạt của hộ nghèo, tác động tích cực đến sản xuất kinh doanh của một số hộ gia đình nghèo, đảm bảo mục tiêu giáo dục, y tế. Tuy nhiên, việc ban hành các văn bản về hướng dẫn chi trả tiền điện cho hộ nghèo còn chậm muộn gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện tại cơ sở. [8], [9]

Hỗ trợ về nhà ở

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, đến hết năm 2011, đã thực hiện xoá nhà tạm cho 13.266 nhà đạt 100% số hộ thực tế phải hỗ trợ. Hiện nay, đang tiến hành rà soát nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn 2 trên địa bàn, dự kiến có 4.773 hộ nghèo đang ở nhà tạm. [6], [9], [10]

Trong giai đoạn 2011-2015 bằng nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức, đoàn thể, nhà tài trợ đã thực hiện hỗ trợ làm nhà ở cho trên 1.057 hộ nghèo, kinh phí thực hiện 13.593 triệu đồng. [8]

Chính sách Khuyến nông - lâm - ngư nghiệp

Với các chương trình có nguồn vốn lồng ghép như: Nguồn kinh phí của Trung ương, nguồn kinh phí địa phương đã triển khai xây dựng 341 mô hình khuyến nông phát triển sản xuất để trình diễn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất; tập huấn khuyến nông lâm ngư cho 25.642 lượt người tham dự, kinh phí thực hiện 48.379 triệu đồng. Đa số người dân đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông lâm ngư nghiệp ngày càng tốt hơn, tiếp cận các nguồn giống mới có chất lượng, chuyển đổi cây trồng vật nuôi phù hợp với các điều kiện cụ thể của gia đình. [8], [9]

Hỗ trợ về nước sinh hoạt: đã hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 12.458 hộ nghèo là dân tộc thiểu số với tổng kinh phí là 47.668 triệu đồng, trong đó năm 2011 là 1.978 hộ với kinh phí 26.416 triệu đồng, năm 2012 là 480 hộ với kinh phí 8.252 triệu đồng, năm 2014 là

6.000 hộ với kinh phí 7.800 triệu đồng, năm 2015 là 4.000 hộ với kinh phí 5.200 triệu đồng [6], [8].

Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: đã hỗ trợ 605.894 người nghèo, dân tộc thiểu số với số tiền 53.036 triệu đồng [8].

Chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội: tổng số có 157.698 đối tượng đã được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng theo quyết định của UBND cấp huyện, kinh phí thực hiện 476.592 triệu đồng. Các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội nói trên có 80% thuộc diện hộ nghèo. Những đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội đã cải thiện đời sống và góp phần vào công tác giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015 đạt hiệu quả.[8]

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Võ Nhai

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh Thái Nguyên, Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Võ Nhai đã đầu tư 21 công trình (19 công trình trường học và 02 công trình giao thông liên xã) với tổng kinh phí 69.210 triệu đồng (Năm 2012 bắt đầu thực hiện trên địa bàn với kinh phí là 21.500 triệu đồng, năm 2013 là 16.100 triệu đồng, năm 2014 là 15.660 triệu đồng, năm 2015 là 15.950 triệu đồng). Tiến độ giải ngân được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. [3], [10]

Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã và thôn bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135)

Số kinh phí đã cấp giai đoạn 2011-2015 là: 461.826,8 triệu đồng đầu tư xây dựng 468 công trình (trong đó: giao thông 293CT, thủy lợi 59CT, điện 03CT, trường học 69CT, trạm y tế 05CT, chợ 01CT, nhà văn hoá 33CT, nước sinh hoạt 05CT); hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, máy móc phục vụ sản xuất, chế biến cho gần 20.000 hộ; hỗ trợ xây dựng 21 mô hình sản xuất hiệu quả; thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư 51CT, đã góp phần thực hiện mục tiêu tăng cường cơ sở hạ

tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh và dân sinh ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (là dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, gọi tắt là Chương trình 135) thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của người dân, giảm nghèo nhanh và bền vững.[8], [10]

Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo

Thực hiện xây dựng 19 mô hình giảm nghèo với 815 hộ nghèo tham gia, kinh phí 5.710 triệu đồng, trong đó từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo 3.700 triệu đồng, hộ dân đối ứng 2.010 triệu đồng. Các mô hình thực hiện chủ yếu như: nuôi cá chép giống, chăn nuôi gà và trồng lúa lai, lợn lai F1, lợn nái móng cái sinh sản, nuôi dê tại một số xã của huyện Định Hóa, Võ Nhai, Phổ Yên, Đại Từ, Phú Lương và Phú Bình. Kết quả 4 năm 2011-2014 đã có 303/706 hộ thoát nghèo (chiếm 42,5%) thông qua các mô hình này giúp các cấp, các ngành và người nghèo biết được các cách làm hay, hiệu quả, biết phát huy sức mạnh tập thể và quan trọng hơn là người nghèo giúp nhau học tập, trao đổi kinh nghiệm để cùng vươn lên thoát nghèo. [8], [10]

Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí 2011-2015 là 3.609 triệu đồng, mục tiêu nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảm nghèo các cấp; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng, người dân, các cấp, các ngành về ý nghĩa và tầm quan trọng của giảm nghèo và cách tiếp cận về giảm nghèo bền vững; thực hiện giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý.

Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp: tổ chức 99 lớp, 12.216 cán bộ giảm nghèo cấp huyện, xã, trường xóm, tổ dân phố nhằm nâng cao năng lực, kiến thức về định hướng giảm nghèo giai đoạn 2011- 2020, các phương pháp, quy trình, công cụ điều tra, rà soát hộ nghèo hàng năm. Tổng kinh phí là 1.533 triệu đồng. [8], [9], [10]

Hoạt động truyền thông: Tổng kinh phí thực hiện là 1.135 triệu đồng, trong đó cấp cho cơ quan Báo, Đài của tỉnh và các huyện, thành, thị nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác giảm nghèo, ý chí vươn lên thoát nghèo, làm giàu của người dân, Đài phát thanh truyền hình tỉnh và các huyện, TP, TX đã phát sóng nhiều phóng sự. Báo Thái nguyên đăng nhiều tin, bài tập trung vào tuyên truyền chính sách, nhân rộng mô hình làm tốt công tác giảm nghèo rộng khắp trong nhân dân. [8], [10]

Hoạt động giám sát, đánh giá: Tổng kinh phí là 2.916 triệu đồng, gồm 2.716 triệu đồng từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và 200 triệu đồng từ ngân sách tỉnh. Các hoạt động giám sát, đánh giá đã nắm bắt, đánh giá được tình hình triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo ở địa phương; mức độ bao phủ của chính sách đến với người nghèo, những khó khăn, thắc mắc và những kiến nghị, đề xuất thông qua ý kiến đóng góp của người nghèo để giải quyết chính sách kịp thời. [8], [9]

Đề án Phát triển kinh tế xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống (Đề án đặc thù của tỉnh)

Tổng kinh phí là 39.935 triệu đồng từ ngân sách tỉnh và đóng góp của các sở, ban, ngành, đoàn thể, nhân dân ở các huyện để thực hiện Đề án, cụ thể:

- Thực hiện hỗ trợ giống, phân bón cho đồng bào dân tộc Mông huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ trồng ngô vụ hè thu với diện tích 1.026 ha, kinh phí thực hiện là 13.935 triệu đồng, được người dân phấn khởi đồng tình ủng hộ. [3][7]
- Xây dựng 2 nhà văn hóa và 15 tuyến đường giao thông, chiều dài trên 44 km đến các xóm, bản theo đề án với ngân sách tỉnh hỗ trợ là 26.000 triệu đồng để mua vật liệu (xi măng, cát, sỏi) và đóng góp của các sở, ban, ngành, đoàn thể, nhân dân ở các huyện để thi công. [7], [8], [10]

Tình hình huy động vốn

Tổng nguồn vốn từ năm 2011- 2015 huy động cho chính sách, chương trình giảm nghèo là 6.394.192 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 5.864.955 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 526.954 triệu đồng.
- Huy động khác: 2.283 triệu đồng.

Nguồn vốn được đầu tư thực hiện mục tiêu giảm nghèo đã từng bước đáp ứng yêu cầu của công tác giảm nghèo (cấp thẻ bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí, trợ cấp bảo trợ xã hội...), để giải quyết những vấn đề liên quan đến các chính sách giảm nghèo. Tuy nhiên, mục tiêu và chỉ tiêu giảm nghèo đề ra với nhiều chính sách được ban hành đòi hỏi phải được cân đối với nguồn kinh phí tương ứng để tổ chức thực hiện. Trên thực tế khả năng bố trí của ngân sách nhà nước hạn hẹp, nguồn lực huy động từ cộng đồng, trong nhân dân và các doanh nghiệp chưa thường xuyên và thiếu sự điều phối thống nhất đã làm hạn chế đến hiệu quả trong sử dụng. [8]

KẾT LUẬN

Sau 5 năm thực hiện, các chính sách và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2015 đã vượt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh đến năm 2015 còn 7,06% (dưới 10%). Bộ mặt nông thôn nói chung và các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về hạ tầng cơ sở và phát triển sản xuất; đời sống của đại đa số người dân được nâng cao, đặc biệt là nhóm hộ nghèo đồng bào dân tộc ở miền núi, phụ nữ nghèo; không chỉ về thu nhập tăng, đời sống được cải thiện mà khía cạnh sức khỏe, đi lại, học hành cũng tiến bộ rõ rệt. Đến nay, cơ sở hạ tầng của các xã ĐBKK cơ bản được tăng cường và cải thiện rõ rệt. 100% xã có trường tiểu học và trạm Y tế; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 100% xã có điện sinh hoạt với 98% số hộ dùng điện; 85% hộ dùng nước sạch...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HĐND tỉnh Thái Nguyên (2010), *Nghị quyết số 34/2010/NQ-HĐND ngày 12/10/2010 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015*.
2. UBND tỉnh Thái Nguyên (2012), *Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 12/2/2011 về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015 (hàng năm có bổ sung kiện toàn Ban chỉ đạo)*.
3. UBND tỉnh Thái Nguyên (2012), *Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 3/4/2012 về việc phê duyệt đề án giảm nghèo bền vững huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015*.
4. UBND tỉnh Thái Nguyên (2012), *Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2015*.
5. UBND tỉnh Thái Nguyên (2013), *Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 11/03/2013 ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013-2015*.

6. UBND tỉnh Thái Nguyên (2014), *Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 về việc phê duyệt Đề án "Thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên"*.
7. UBND tỉnh Thái Nguyên (2014), *Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 về việc phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020"*.
8. Báo cáo Tổng kết Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015 của Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên.
9. Các báo cáo về chính sách dân tộc, kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.
10. Báo cáo việc thực hiện Chương trình giảm nghèo, Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015 của các huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

SUMMARY

IMPLEMENTATION RESULTS OF THE POVERTY REDUCTION PROGRAM IN THAI NGUYEN PROVINCE IN 2011-2015

Nguyễn Thị Thảo*

Thai Nguyen University

After 5 years of the implementation of the poverty reduction program in Thai Nguyen province (2011-2015), under the leadership of the provincial Party Committee, the direction of the provincial People's Committee and the sector leaders, the effort of the localities and the close coordination of mass organizations led many important targets to reach and exceed the goals set by the Resolution of the XVIII Provincial Party Congress. Many models of poverty reduction work were highly effective; Many poor farmer households were considered good producers; farmers' lives were improved and rural faces were gradually renovated. This shows that the poor, the poor and the poor have benefited directly from the achievement of development investment, whereas investment in development has created conditions and motivation for poor people and poor communes to escape from poverty sustainably. The interaction has been shown during the implementation of poverty reduction program in the last 5 years; accordingly, the rate of poor households has rapidly decreased from 20.57% in 2011 to 7.06% in 2015, reduced by 13.51%, equivalently, 36.668 households escaped from poverty.

Keywords: poverty reduction program, poor households, Thai Nguyen province, policies, escape from poverty

Ngày nhận bài: 22/6/2017; Ngày phản biện: 06/10/2017; Ngày duyệt đăng: 29/12/2017

* Tel: 0918306582; Email: thaont@tnu.edu.vn

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Bui Hoang Tan - Ownership situation public field-land in Ha Chau district, Ha Tien province through studying cadastral registers of Minh Mang dynasty 17 (1836)	3
Doan Thi Yen - Tu Duc king's attitude towards Catholicism before and after 1962	9
Tran Minh Thuan - The land problems and spontaneous fights of farmers in Bac Lieu province under the French domination	15
Dong Van Quan - Types of democratic regime in the history and the present socialist democratic regime in our country	21
Le Thi Giang, Le Thi Huong - The original of formation of Ho Chi Minh thought on human beings, human development	27
Cao Thi Phuong Nhung, Ngo Thi Quang - Ho Chi Minh's talk about the study of theoretics in "the orientation speech at the opening ceremony of the first theoretics class at Nguyen Ai Quoc Institute"	33
Luu Thu Trang - The tragedy of Grigori Melekhov reflected in the relationship between Aksinia and Natalia in <i>Quietly Flows the Don</i> (M. Sholokhov)	39
Hoang Thi Tuyet Mai - The moon in Nguyen Huy Oanh's poetry	45
Nguyen Dieu Linh - <i>Onychostoma laticeps</i> in culinary culture of white Thai people in Son A commune, Van Chan district, Yen Bai province	49
Nguyen Thi Tan Tien, Ha Thi Hang - The differences of learning outcomes of students having taken the general informatics course with students obtaining the IC3 certificate at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy	55
Dau Thi Thu - Training pedagogical profession for students through real professional activity experience	61
Nguyen Ngoc Binh, Duong To Quynh - Testing and assessing the learning outcome of the volleyball subject for students at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration	67
Luu Quang Sang - Some suggestions of teaching Chinese characters for Vietnamese students	73
Hoang Thi Hai Yen - Applying Ho Chi Minh' ideology about morality in building morals, lifestyle of students in Thai Nguyen University of Technology currently	79
Phung Thi Tuyet, Nong Hong Hanh - Assessment of the project-based teaching and learning of the students major in Chinese at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	85
Tran Hoang Tinh - Situation and measures for planning and directing the implementation of disciplined education for students at centers for national defense and security education	91
Hoang Thi Ly - role of scaffolding activities in enhancing english reading skills among first year college students	97
Duong Thi Hong An, Dang Phuong Mai - Evaluating the EFL courseware at Thai Nguyen University of Information and Communication Technology	103
Ta Thi Mai Huong, Nguyen Van Thinh, Nguyen Thi Hanh Hong - Effects of portfolios on improving listening comprehension skill for students: a case study at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration	109
Tran Tuan Anh, Do Van Hai, Tran Thi Thu Thuy, Hoang Van Hung - Research building multipurpose database to service land mangement in Coc Leu ward, Lao Cai city	115
Nguyen Thi Gam, Dao Thi Huong - Influence of service quality on customer satisfaction at Vietinbank- Thai Nguyen branch	121
Nguyen Thi Thanh Thuy - Foreign direct investment with the socio-economic development of Vietnam	129

Chu Thi Ha, Do Thi Ha Phuong, Nguyen Thi Giang, XiaoLi Wu - Factors affecting knowledge workers' job motivation in vietnamese enterprises	135
Tran Viet Khanh, Do Thuy Mui - Some agricultural development solutions in Tay Bac	141
Nguyen Thi Lan Anh - Enhanced management in use expense resources of health care activities in Thai Nguyen National General Hospital	147
Nguyen Thi Giang, Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Ho Luong Xinh - Solution to improve economic efficiency of mushroom production at households in Dai Tu district, Thai Nguyen province	153
Do Thi Van Huong - Analyse efficiency of Arabica and Macadamia crops at Ang To commune, Muong Ang district, Dien Bien province	159
Dang Ngoc Huyen Trang, Duong Thi Thuy Linh - Determining relationship between foreign direct investment inflow and trade balance in Vietnam	165
Duong Thi Tinh - Status of restructuring state-owned enterprises in 2016 and solutions for next years	171
Pham Thi Thanh Mai, Nghiem Thi Ngoan - Guarantee for intellectual property rights on the "Tan Cuong" tea geographical indications of Thai Nguyen province	177
Nguyen Thi Thao - Implementation results of the poverty reduction program in Thai Nguyen province in 2011-2015	183
Nguyen Thi Lan Anh, Dao Thi Huong - The development of the relationship between workers in the value brand only chain in Thai Nguyen province	189
Tran Thuy Linh, Do Hoang Yen - Improving regulations on defining dominant abusive practices under Vietnamese Competition Law 2004	195
Nguyen Thi My Hanh, Ngo Thi Quynh Trang, Pham Thi Thu Phuong, Hoang Thi Lan Huong - Barriers to ASEAN green hotel standard in the hotel industry: a case study in Ha Noi	201
Phan Thi Van Giang, Pham Bao Duong - Some theoretical issues and experience lessons of integration in pig raising and pork consumption	207